

Số: 141/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT

VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học về đối tượng áp dụng điều lệ trường đại học, trường cao đẳng; đại học vùng; chương trình giáo dục đại học và hình thức đào tạo; tài sản, chính sách đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; chính sách đối với giảng viên.

2. Nghị định này áp dụng đối với các trường cao đẳng, trường đại học, học viện, đại học vùng, đại học quốc gia; viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ; các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục đại học.

Điều 2. Điều lệ trường đại học, Điều lệ trường cao đẳng

1. Điều lệ trường đại học do Thủ tướng Chính phủ ban hành áp dụng chung đối với các trường đại học bao gồm cả các trường đại học thành viên của đại học vùng và đại học quốc gia, các học viện đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

2. Điều lệ trường cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành áp dụng chung đối với các trường cao đẳng.

Điều 3. Đại học vùng

1. Đại học vùng là cơ sở giáo dục đại học công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có chức năng đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực ở các trình độ của giáo dục đại học và thực hiện công tác

nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng, miền và cả nước.

2. Chủ tịch hội đồng đại học vùng và giám đốc, phó giám đốc đại học vùng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục đại học thành viên; thủ trưởng các đơn vị trực thuộc đại học vùng do giám đốc đại học vùng bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 4. Chương trình đào tạo và hình thức đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng được xây dựng theo định hướng thực hành, áp dụng cho hình thức giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

2. Chương trình đào tạo trình độ đại học được xây dựng theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng, áp dụng cho hình thức giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

3. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng, áp dụng cho hình thức giáo dục chính quy.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu áp dụng cho các khóa học tập trung toàn bộ thời gian tại cơ sở giáo dục đại học.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng được áp dụng cho các khóa học tập trung toàn bộ thời gian hoặc một phần thời gian tại cơ sở giáo dục đại học.

4. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, áp dụng theo hình thức giáo dục chính quy cho các khóa đào tạo tập trung tại cơ sở giáo dục đại học. Nghiên cứu sinh phải dành toàn bộ thời gian quy định để học tập và nghiên cứu, trong đó có ít nhất một năm tập trung liên tục tại cơ sở giáo dục đại học.

Điều 5. Tài sản, giá trị tài sản của cơ sở giáo dục đại học tư thục

1. Tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của cơ sở giáo dục đại học tư thục bao gồm:

a) Tài sản tích lũy được từ nguồn trích ít nhất 25% phần chênh lệch giữa thu và chi trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng năm của cơ sở giáo dục đại học;

b) Giá trị tài sản hình thành từ lợi nhuận tích lũy được trong quá trình hoạt động của cơ sở giáo dục đại học;

c) Giá trị tài sản do Nhà nước đầu tư, cấp phát, giao quyền sử dụng;

d) Giá trị tài sản được tài trợ, ủng hộ, hiến tặng;

đ) Giá trị tài sản được chuyển giao từ cơ sở giáo dục đại học dân lập (nếu có).

2. Tài sản sở hữu chung hợp nhất không phân chia chỉ được sử dụng vào hoạt động giáo dục, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, viên chức, cán bộ quản lý giáo dục, phục vụ cho hoạt động học tập và sinh hoạt của người học hoặc cho các mục đích từ thiện, thực hiện trách

nhiệm xã hội. Giá trị tài sản do Nhà nước đầu tư, cấp phát, giao quyền sử dụng tại cơ sở giáo dục đại học tư thực được sử dụng đúng mục đích và quản lý theo quy định của Luật ngân sách.

3. Nguồn vốn sở hữu chung hợp nhất không phân chia phải được hạch toán rõ ràng, minh bạch, đúng nguyên tắc kế toán áp dụng cho các cơ sở giáo dục đại học tư thực và báo cáo tài chính công khai tại đại hội cổ đông hàng năm.

4. Hội đồng quản trị của cơ sở giáo dục đại học tư thực xây dựng phương án, phương thức sử dụng tài sản, nguồn vốn thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia theo quy định tại Khoản 2 Điều này, phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế tổ chức hoạt động của trường.

5. Nguyên tắc và phương pháp hạch toán các tài sản, nguồn vốn thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của cơ sở giáo dục đại học tư thực được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 6. Cơ sở giáo dục đại học tư thực và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Cơ sở giáo dục đại học tư thực được xác định hoạt động không vì lợi nhuận khi đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư không nhận lợi tức, hoặc nhận lợi tức không vượt quá lãi suất trái phiếu Chính phủ quy định trong cùng thời kỳ;

b) Chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng năm của nhà trường là tài sản sở hữu chung hợp nhất không phân chia, dùng để đầu tư phát triển cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học; đào tạo cán bộ quản lý; hoạt động nghiên cứu khoa học; cấp học bổng cho người học và sử dụng cho các mục tiêu phục vụ lợi ích cộng đồng khác;

c) Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận bằng văn bản với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục đại học đặt trụ sở chính. Cam kết được công bố công khai theo nội dung quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này.

2. Cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài được xác định hoạt động không vì lợi nhuận khi đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục đại học đặt trụ sở chính;

b) Chênh lệch thu chi từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng năm của nhà trường không được chuyển ra nước ngoài mà dùng để đầu tư mở rộng, tăng cường cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học; đào tạo cán bộ quản lý; hoạt động nghiên cứu khoa học; cấp học bổng cho người học và sử dụng cho các mục tiêu phục vụ lợi ích cộng đồng khác.

3. Căn cứ để đánh giá cơ sở giáo dục đại học tư thực và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện cam kết hoạt động không vì lợi nhuận là báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo kiểm toán theo định kỳ.

4. Cơ sở giáo dục đại học tư thực và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài đã cam kết hoạt động không vì lợi nhuận nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng với những quy

định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thì bị tước quyền thụ hưởng các chính sách ưu tiên đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; phải hoàn trả các khoản hỗ trợ tài chính của Nhà nước và bị truy thu các khoản thuế quy định đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động vì lợi nhuận.

Điều 7. Chính sách ưu tiên đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Chính sách ưu tiên đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận gồm:

a) Ưu đãi thuế, miễn thuế và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Ưu tiên giao hoặc cho thuê đất; miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất; miễn hoặc giảm tiền thuê mặt đất, mặt nước theo quy định của pháp luật;

c) Hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển đội ngũ giảng viên;

d) Chia sẻ sử dụng, khai thác và miễn hoặc giảm kinh phí chia sẻ sử dụng, khai thác tài nguyên chung của giáo dục đại học do Nhà nước đầu tư, các công trình kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, phúc lợi xã hội ở trung ương và địa phương để phục vụ nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;

đ) Ưu tiên tiếp nhận các dự án đầu tư phát triển, nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học trên cơ sở cạnh tranh như các cơ sở giáo dục đại học công lập; được tham gia đấu thầu các nhiệm vụ do nhà nước đặt hàng đối với các lĩnh vực đầu tư phát triển, nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học như các cơ sở giáo dục đại học công lập.

e) Ưu tiên giao kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đối với những lĩnh vực mà trường có thế mạnh.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan quy định chi tiết và hướng dẫn áp dụng cụ thể các chính sách khuyến khích đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

Điều 8. Chính sách đối với giảng viên

1. Hệ thống chức danh và tiêu chuẩn các chức danh giảng viên được làm căn cứ để xếp hạng chức danh nghề nghiệp và thực hiện các chế độ chính sách đối với giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn các chức danh giảng viên.

2. Thang, bậc lương đối với giảng viên được quy định cụ thể, có sự phân biệt khác nhau giữa năm chức danh: Trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư theo quy định của Luật giáo dục đại học. **Chức danh phó giáo sư được xếp hạng I theo phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và hưởng thang, bậc lương tương ứng ngạch chuyên viên cao cấp.** Chức danh giáo sư được xếp hạng I theo phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và hưởng thang, bậc lương tương đương chuyên gia cao cấp.

3. Cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài vận dụng quy định hệ thống chính sách tiền lương, phụ cấp và các chính sách khác đối với giảng viên trong

các cơ sở giáo dục đại học công lập để thực hiện chế độ chính sách đối với nhà giáo, bảo đảm không thấp hơn tiền lương và phụ cấp của giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học công lập có cùng trình độ đào tạo và thâm niên công tác.

Điều 9. Kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên đủ tuổi nghỉ hưu

1. Giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ đang công tác tại cơ sở giáo dục đại học được kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học nếu có các điều kiện sau đây:

- a) Có đủ sức khỏe, tự nguyện kéo dài thời gian làm việc.
- b) Cơ sở giáo dục đại học có nhu cầu và chấp thuận.

2. Thời gian kéo dài làm việc đối với **giảng viên có trình độ tiến sĩ là không quá 5 năm**; đối với **giảng viên có chức danh phó giáo sư là không quá 7 năm** và đối với giảng viên có chức danh giáo sư là không quá 10 năm.

Trong thời gian kéo dài làm việc, người được kéo dài làm việc nêu trên có quyền đề nghị nghỉ làm việc để hưởng chế độ nghỉ hưu theo quy định.

3. Thủ tục, trình tự xem xét kéo dài thời gian làm việc:

a) Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quản lý giảng viên có trách nhiệm xác định nhu cầu, đánh giá tài năng, sức khỏe của giảng viên sẽ kéo dài thêm thời gian công tác và trao đổi với giảng viên. Giảng viên thuộc đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này có ý kiến bằng văn bản gửi đơn vị quản lý trực tiếp và Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học để xem xét.

b) Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học ra quyết định kéo dài thời gian làm việc theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan cấp trên có thẩm quyền ra quyết định kéo dài thời gian làm việc của giảng viên.

c) Việc xem xét kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên đến độ tuổi nghỉ hưu cần được thông báo cho giảng viên biết trước khi đến thời điểm nghỉ hưu 3 tháng. **Hồ sơ của giảng viên kéo dài thêm thời gian làm việc và văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định phải được hoàn tất chậm nhất 02 tháng trước khi đến thời điểm nghỉ hưu.**

4. Chính sách đối với giảng viên trong thời gian làm việc kéo dài:

- a) Được xác định là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học;**
- b) Được hưởng lương và các chính sách, chế độ khác theo quy định đối với giảng viên.**

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2013.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành Nghị định

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi

nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b)

Nguyễn Tấn Dũng